

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ GÒ CÔNG** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
**TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 223/2024 /DS-ST

Ngày: 12-7-2024.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị An Thu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Kiến Dân

2. Ông Nguyễn Hùng Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 129/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: **Lê Thị N**, sinh năm 1951, (xin vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp D, xã B, thành phố G, Tiền Giang.**

\*Bị đơn:

1. **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1963, (xin vắng mặt)

2. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp E, xã B, Thành phố G, Tiền Giang.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung, bản tự khai của nguyên đơn, quá trình tố tụng nguyên đơn bà **Lê Thị N** trình bày:*

Bà và vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn P quen biết, người xóm trên và người ở xóm dưới. Bà Nguyệt có cho vợ chồng bà S, ông P mượn tiền nhưng thực chất là vay tiền 03 lần :

Lần 1: mượn 100.000.000 đồng, Lần 2: mượn 80.000.000 đồng, lần 3 mượn 70.000.000 đồng cùng ngày 10/05/2021.

Thời hạn vay tiền là một năm đến ngày 10/5/2022 âm lịch thì bà S sẽ trả hết số tiền đã vay tổng cộng là 250.000.000 đồng. Hai bên viết giấy mượn tiền và cùng ký tên, lúc bà cho bà S, ông P vay có cả hai người cùng nhận tiền và đếm tiền, do bà không hiểu biết pháp nên để ông Nguyễn Văn P là người làm chứng. Tại Tòa bà S thừa nhận việc vay mượn tiền là vợ chồng bà cùng vay và đếm tiền, khi bà S bỏ đi, ông P có đến nói với bà sẽ trả hết nợ đã vay của bà. Nên bà có bổ sung đơn kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn P cùng liên đới trả số tiền đã vay của bà làm 03 lần tổng cộng là 250.000.000 đồng, bà N không yêu cầu tính lãi suất. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị S là bị đơn trình bày tại bản tự khai: Bà S thừa nhận có vay tiền của bà Lê Thị N 03 lần, Vợ chồng bà cùng nhận tiền, và đếm tiền. Sau thời gian bà bỏ đi thì chồng bà ông Nguyễn Văn P có nói sẽ trả tiền cho bà N. Tòa án có mời hai vợ chồng bà đến Tòa để trình bày ý kiến, nhưng chỉ một mình bà đến, chồng của bà bị bệnh không đến được. Nay bà đồng ý cùng chồng bà là ông Nguyễn Văn P trả số tiền đã vay của bà N tổng cộng 250.000.000 đồng, để bà N yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ, vì hiện bà S cũng nợ nhiều người và họ cũng đang yêu cầu thi hành án.

#### **Tại phiên tòa:**

Bà Lê Thị N có đơn xin vắng mặt khi xét xử

Bà Nguyễn Thị S có đơn xin vắng mặt khi xét xử

Ông Nguyễn Văn P vắng mặt Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng ông không đến tòa để trình bày.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn ông P vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của UB TVQH14 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Buộc bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn P cùng liên

đời có nghĩa vụ trả cho bà **Lê Thị N** số tiền vay tổng cộng là 250.000.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí đương sự chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại **xã B, thành phố G** nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền cho mượn nhưng thực chất đây là quan hệ vay tài sản(vay tiền) giữa Bà **Lê Thị N** và bà **Nguyễn Thị S**, ông **Nguyễn Văn P**. Do vậy xác định là tranh chấp dân sự là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quy định Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Bị đơn **P** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên áp dụng Bộ Luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ Luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn kiện, đơn kiện bổ sung, thông báo xác định tư cách đương sự, lời khai của nguyên đơn, tự khai của bị đơn và biên bản hòa giải.

[4.1] Về thời gian vay tiền và số tiền đã vay:

Bà **Lê Thị N** khai bà có cho bà **Nguyễn Thị S**, ông **Nguyễn Văn P** mượn tổng cộng 03 lần thời gian và số tiền: mượn 100.000.000 đồng, Lần 2: mượn 80.000.000 đồng, lần 3 mượn 70.000.000 đồng cùng ngày 10/05/2021

Mục đích mượn tiền để trả nợ và làm ăn. Thực chất đây là quan hệ vay tiền như đã nhận định trên.

Bà **Nguyễn Thị S** từ ngày vay tiền, chưa trả cho **Bà N1**, và có thời gian bà **S** bỏ đi, ông **P** hứa với bà **N1** sẽ trả hết số tiền mà vợ chồng bà đã vay, nhưng cũng không còn khả năng trả nợ, nay bà **N1** kiện bà **S** thừa nhận đồng ý cùng ông **P** trả số tiền vay cho bà **N1** để bà **N1** yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử thấy việc bà **N1** cho vợ chồng bà **Nguyễn Thị S** và ông **Nguyễn Văn P** vay tiền là giao dịch trên thực tế có xảy ra thể hiện qua giấy mượn tiền có chữ ký tên và họ tên và sự thừa nhận của các bên. Đồng thời qua sự thừa nhận của bị đơn **S** “ Bà vay tiền của bà **N1**, ông **P** biết và cùng đếm tiền” còn bà



**N1** do không hiểu biết pháp luật nên để ông **P** với tư cách là người làm chứng, nhưng bản chất của việc giao dịch này xác định cả ông **P** và bà **S** cùng ký nhận và đem tiền và bà **N1** có đơn kiện bổ sung. Như vậy, ông **P** và bà **S** cùng là bị đơn, ông **P** còn hứa với bà **N1** cùng trả nợ cho bà **N1**. Mặc dù ông **P** không đến theo giấy triệu tập của Tòa án Thành phố Gò công nhưng ông cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu kiện, kiện bổ sung của nguyên đơn và việc vay tiền nhằm mục đích chung của gia đình theo quy định điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên có cơ sở xác định Bà **Nguyễn Thị S** và ông **Nguyễn Văn P** có vay tiền của bà **Lê Thị N** như phân tích trên của Hội đồng xét xử. Bà **N1** có yêu cầu bà **S** và ông **P** trả tiền nhưng đến nay bà **S**, ông **P** chưa trả làm thiệt thòi quyền lợi của bà **N1** và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà **Lê Thị N**, cần buộc bà **Nguyễn Thị S** và ông **Nguyễn Văn P** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị M** số tiền 250.000.000 đồng ( Hai trăm năm mươi triệu đồng)

[4.2] Về tiền lãi: Bà **Lê Thị N** không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Bà **Lê Thị N** là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Nguyệt

Buộc bà **Nguyễn Thị S** và ông **Nguyễn Văn P** cùng có nghĩa vụ trả cho Bà **Lê Thị N** tổng cộng số tiền 250.000.000 đồng ( Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

**2. Về án phí:**

- Buộc bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn P phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Thành viên Hội đồng xét xử  
tòa**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên**

**Đàm Kiến Dân Nguyễn Hùng D**

**Trần Thị An T**

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.áv

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị An Thư**

**Thành viên Hội đồng xét xử  
tòa**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên**

**Đàm Kiến Dân Nguyễn Hùng D**

**Trần Thị An T**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Trần Thị An Thư**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc .... giờ .... phút ngày 15 tháng 7 năm 2022, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

**Thành viên Hội đồng xét xử  
tòa**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên**



